|  |  |
| --- | --- |
| ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2021* |

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2021**

**1. GENERAL INFORMATION**

Tên chương trình đào tạo:

* Tiếng Việt: Kế toán
* Tiếng Anh: Accounting

Mã số chương trình: 7340301

Hình thức đào tạo: Chính quy

Loại hình chương trình: Định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng (học viên lựa chọn một trong hai hướng).

Phương thức đào tạo: Hình thức 2 – Học viên phải hoàn thành tất cả các học phần trong chương trình, thực hiện nghiên cứu khoa học và làm luận văn thạc sĩ.

Thời gian đào tạo: 2 năm

Văn bằng sau khi tốt nghiệp:

* Tiếng Việt: Thạc sĩ Kế toán
* Tiếng Anh: Master of Accounting

**2. TIÊU CHÍ TUYỂN SINH**

**Về văn bằng**

* Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp ngành Kế toán (tên chuyên ngành tốt nghiệp đại học trùng tên với chuyên ngành đăng ký dự thi thạc sĩ hoặc nội dung chương trình đào tạo đại học khác nhau dưới 10% so với chương trình đào tạo ĐH chuyên ngành tương ứng của Trường Đại học Kinh tế - Luật).
* Thí sinh có bằng đại học ngành gần với ngành kế toán và sau khi hoàn thành khối kiến thức bổ sung tại Trường đại học Kinh tế - Luật theo quy định.
* Thí sinh có bằng đại học một số ngành khác phải hoàn thành chương trình chuyển đổi kiến thức trước khi thi.

**Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:**

* Có bằng tốt nghiệp ĐH loại Khá trở lên thuộc đúng ngành hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.
* Những đối tượng còn lại có bằng tốt nghiệp ĐH đúng ngành hoặc trong khối ngành kinh tế phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán, kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp ĐH đến ngày nộp hồ sơ dự thi.
* Trường hợp đối tượng tốt nghiệp ĐH ngành khác đăng ký dự thi phải có ít nhất 1 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dự thi và phải hoàn thành khối kiến thức bổ sung.

**Điều kiện khác**

* Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
* Có đủ sức khoẻ để học tập.

**3. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Mục tiêu chung:** Chương trình đào tạo thạc sĩ kế toán được thiết kế hướng đến mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực có khả năng tổ chức, nghiên cứu, phân tích, đánh giá và xét đoán nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Người học tốt nghiệp có khả năng đảm nhận vị trí giảng dạy kế toán, kiểm toán tại các trường đại học, cao đẳng; là chuyên gia nghiên cứu có khả năng khám phá, công bố các kiến thức mới trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại các viện, trung tâm nghiên cứu; là nhà quản lý có năng lực thiết kế, tổ chức, điều hành các công việc liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp, các công ty đa quốc gia, các tập đoàn.

**Mục tiêu cụ thể**

**Kiến thức:** Chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ thạc sĩ nhằm giúp cho người học bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán; có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán và vận dụng kiến thức này vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán. Có khả năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kế toán.

**Kỹ năng**: Người học tốt nghiệp có kỹ năng tư duy cao trong việc chọn phương án tối ưu để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán; có khả năng lập luận và phản biện nghề nghiệp cao; khả năng nhận diện những yếu kém trong công việc tổ chức, vận hành công tác kế toán tại các đơn vị từ đó đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện nhằm hướng đến hiệu quả cao trong hoạt động của đơn vị.

**Năng lực tự chủ và trách nhiệm**: Người học có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động Kế toán - Kiểm toán; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao. Bên cạnh đó, người học còn có năng lực tiếp tục nghiên cứu học tập lên bậc tiến sĩ ở trong và ngoài nước trong lĩnh vực Kế toán – Kiểm toán.

**4. CHUẨN ĐẦU RA**

**4.1. Nội dung**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **No.** | **Chuẩn đầu ra** | **Mức độ nhận thức (\*)** |
| **1** | **Kiến thức** |  |
| 1.1 | ***Kiến thức liên ngành:*** đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân trong việc lựa chọn thích hợp kiến thức ngành kinh tế và kinh doanh để hình thành nền tảng cho việc học tập, xử lý công việc và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán. | 5 |
| 1.2 | ***Kiến thức chuyên ngành kế toán:*** độc lập và quyết đoán trong việc vận dụng kiến thức chuyên ngành để xử lý các vấn đề trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán trong môi trường hội nhập quốc tế về kế toán. | 5 |
| **2** | **Kỹ năng** |  |
| 2.1 | ***Kỹ năng giao tiếp:*** có khả năng lập luận, phản biệntrong giao tiếp nhằm giải quyết xung đột hiệu quả trong các môi trường và tình huống khác nhau. | 5 |
| 2.2 | ***Kỹ năng quản lý:*** có khả năng nhận diện những yếu kém đối với công tác tổ chức và quản lý hoạt động trong nghề nghiệp kế toán và kiểm toán | 5 |
| 2.3 | ***Kỹ năng ứng dụng công nghệ:*** lựa chọn công nghệ thông tin tiên tiến trong lĩnh vực kế toán kiểm toán phù hợp với đặc điểm và yêu cầu phát triển của đơn vị | 5 |
| 2.4 | ***Kỹ năng xét đoán***: xét đoán trong việc vận dụng các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm phù hợp để đưa ra quyết định nghề nghiệp kế toán, kiểm toán | 5 |
| 2.5 | ***Kỹ năng phản biện*:** đánh giá vàphản biện các quy định, chính sách liên quan đến nghiệp kế toán kiểm toán. | 5 |
| 3 | **Thái độ chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp** |  |
| 3.1 | Khả năng lập kế hoạch và thực hiện tự học, tự nghiên cứu suối đời, khả năng lũy kinh nghiệm phát triển nghề nghiệp cá nhân | 5 |
| 3.2 | Phát triển đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ luật pháp và tiêu chuẩn nghề nghiệp và đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội | 5 |

*Ghi chú:*

*(\*) Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (Cognitive 1-6)*

**4.2. Tham chiếu khi xây dựng Chuẩn đầu ra.**

PLOs được xây dựng trên cơ sở tương thích với các yêu cầu về mục tiêu của chương trình đào tạo của giáo dục cao học và khung trình độ quốc gia trình độ đại học. Chẳng hạn như PLO1 tương thích với OB1 (Có kiến thức khoa học nền tảng) và FR1 (có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành đào tạo); PLO2 tương thích với OB4 (Có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo) và FR1. Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PLOs** | **OB** | **Khung trình độ QG** |
| PLO 1: Đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân trong việc vận dụng thích hợp kiến thức ngành kinh tế và kinh doanh để hỗ trợ cho việc học tập, xử lý công việc và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán. | OB 1: Có kiến thức khoa học nền tảng | FR 1: có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành đào tạo |
| PLO 2: Độc lập và quyết đoán trong việc vận dụng kiến thức chuyên ngành để xử lý các vấn đề trong lĩnh vực kế toán trong môi trường hội nhập quốc tế về kế toán. | OB 4: Có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo. | FR 1: có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành đào tạo |
| PLO3: Có khả năng lập luận, phản biện trong giao tiếp nhằm giải quyết xung đột hiệu quả trong các môi trường và tình huống khác nhau. | OB 3: Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo.  OB 4: Có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo. | FR 2: có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến |
| PLO 4: Có khả năng nhận diện những yếu kém đối với công tác tổ chức và quản lý hoạt động trong nghề nghiệp kế toán và kiểm toán | OB 2: Có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả | FR 3: kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp |
| PLO 5: Lựa chọn công nghệ thông tin tiên tiến trong lĩnh vực kế toán kiểm toán phù hợp với đặc điểm và yêu cầu phát triển của đơn vị | OB1: Có kiến thức khoa học nền tảng | FR 4: kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực chuyên môn, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi |
| PLO 6: Xét đoán trong việc vận dụng các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm phù hợp để đưa ra quyết định nghề nghiệp kế toán, kiểm toán | OB 4: Có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo. | FR 2: có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến  FR 3: kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp |
| PLO 7: Đánh giá và phản biện các quy định, chính sách liên quan đến nghiệp kế toán kiểm toán.. | OB 4: Có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo. | FR 2: có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến |
| PLO 8: Khả năng lập kế hoạch và thực hiện tự học, tự nghiên cứu suối đời, khả năng lũy kinh nghiệm phát triển nghề nghiệp cá nhân | OB1: Có kiến thức khoa học nền tảng  OB 2: Có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả | FR 5: có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp. |
| PLO 9: Phát triển đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ luật pháp và tiêu chuẩn nghề nghiệp và đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội | OB 4: Có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo. | FR 4: kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực chuyên môn, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi |

**Ghi chú:**

*Luật Giáo dục đại học năm 2012, 2018 quy định mục tiêu của đào tạo trình độ thạc sĩ:* ***(OB1****) Có kiến thức khoa học nền tảng; (****OB2****) Có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả; (****OB3****) Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo; (****OB4****) Có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.*

*Khung trình độ quốc gia do Thủ Tướng Chính phủ ban hành năm 2016 xác nhận trình độ đào tạo của người học bậc thạc sĩ:* ***(FR1)*** *có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành đào tạo;* ***(FR2)*** *có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến;* ***(FR3)*** *kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp;* ***(FR4)*** *kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực chuyên môn, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi;* ***(FR5)*** *có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.*

**5. CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP**

Sau khi tốt nghiệp, học viên chương trình thạc sĩ Kế toán có thể đảm nhận các vị trí sau:

* Giảng viên kế toán và kiểm toán tại các trường cao đẳng và đại học;
* Nhà nghiên cứu có khả năng khám phá và phổ biến tri thức mới trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán tại các viện, trung tâm nghiên cứu;
* Nhà quản lý có khả năng thiết kế, tổ chức và vận hành công tác kế toán và kiểm toán tại các đơn vị khu vực công, doanh nghiệp, công ty đa quốc gia và các tập đoàn kinh tế.

**6. CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO**

Học viên tốt nghiệp đủ điều kiện tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài trong lĩnh vực Kế toán và Kiểm toán.

**7. TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ**

Học viên tốt nghiệp phải đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Chuẩn này tương đương trình độ B2 theo Khung tham chiếu châu Âu (CEFR) và phải được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận. Ngôn ngữ đầu vào và đầu ra phải thống nhất.

**8. PROGRAMME STRUCTURE**

**4.1. Tổng số tín chỉ**

CTĐT cao học ngành Kế toán theo hướng nghiên cứu được cấu trúc như sau:

Tổng số tín chỉ: 63 tín chỉ, trong đó:

* Khối kiến thức chung (bắt buộc): 8 tín chỉ
* Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 43

+ Các học phần bắt buộc: 25

+ Các học phần tự chọn: 18

* Học phần tốt nghiệp: 12 tín chỉ

**4.2. Danh mục các học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **MÃ MÔN HỌC** | **TÊN MÔN HỌC** | **SỐ TÍN CHỈ** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành** |
| **Kiến thức chung** | | | **8** | **6** | **2** |
| 1 | GEN2011 | Triết học | 4 | 3 | 1 |
| 2 | GEN2010 | Tiếng Anh học thuật | 4 | 3 | 1 |
| **Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành** | | |  |  |  |
| **A. Khối kiến thức bắt buộc** | | | **25** | **17** | **8** |
| 3 | ACC2099 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 3 | 2 | 1 |
| 4 | ACC2074 | Kế toán quản trị | 4 | 3 | 1 |
| 5 | MIS2023 | Hệ thống thông tin kế toán | 3 | 2 | 1 |
| 6 | ACC2503 | Kiểm toán | 3 | 2 | 1 |
| 7 | ACC2002 | Hợp nhất báo cáo tài chính | 3 | 2 | 1 |
| 8 | ACC2053 | Phân tích báo cáo tài chính | 3 | 2 | 1 |
| 9 | ACC2013 | Lý thuyết kế toán | 3 | 2 | 1 |
| 10 | ACC2034 | Kế toán tài chính nâng cao | 3 | 2 | 1 |
| **B. Khối kiến thức tự chọn** | | | **18** | **12** | **6** |
| 1 | FIN2102 | Quản trị tài chính | 3 | 2 | 1 |
| 2 | LAW2501 | Pháp luật về Công ty | 3 | 2 | 1 |
| 3 | ACC2035 | Thuế và quản lý thuế nâng cao | 3 | 2 | 1 |
| 4 | BUS2002 | Kinh tế học quản lý | 3 | 2 | 1 |
| 5 | TKL2204 | Kinh tế lượng & ứng dụng | 3 | 2 | 1 |
| 6 | ACC2063 | Kế toán quốc tế | 3 | 2 | 1 |
| 7 | FIN2201 | Tài chính quốc tế | 3 | 2 | 1 |
| 8 | ACC2043 | Kế toán công | 3 | 2 | 1 |
| 9 | FIN2204 | Quản trị rủi ro tài chính | 3 | 2 | 1 |
| 10 | ACC2513 | Kiểm soát và kiểm toán nội bộ | 3 | 2 | 1 |
| **Luận văn** | | | **12** | **5** | **7** |
| **Tổng số tín chỉ** | | | **63** | **40** | **23** |

**9. CHIẾN LƯỢC DẠY VÀ HỌC**

Chiến lược dạy và học được xây dựng theo định hướng lấy người học làm trung tâm và khuyến khích sự chủ động. Nhiều hình thức hoạt động học tập đa dạng được tích hợp linh hoạt và sáng tạo, bao gồm: động não (brainstorming), bài giảng, nghiên cứu tình huống, học tập dựa trên vấn đề, tranh luận, thảo luận nhóm, đóng vai, nghiên cứu thực địa và phân tích tình huống thực tiễn. Các hoạt động này được đan xen xuyên suốt học phần nhằm giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra của học phần và của chương trình.

Ngoài ra, chiến lược còn hướng tới việc nâng cao tư duy phản biện, năng lực nghiên cứu, khả năng lập luận độc lập và kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo của học viên. Chương trình cũng gắn kết với các tổ chức nghề nghiệp và doanh nghiệp thông qua hội thảo, tọa đàm và các chuyến tham quan thực tế dành cho học viên.

**10. CHIẾN LƯỢC ĐÁNH GIÁ**

Chương trình sử dụng kết hợp nhiều phương pháp đánh giá nhằm đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra dự kiến, cho phép phân loại người học và đo lường mức độ đạt được các chuẩn đầu ra đó. Việc đánh giá được thực hiện xuyên suốt quá trình học tập với nhiều hình thức khác nhau như: kiểm tra nhanh, thi giữa kỳ, bài trắc nghiệm, bài luận, tham gia trên lớp, tranh luận, đóng vai, bài tập, dự án và vấn đáp.

Các thành phần đánh giá bao gồm: đánh giá quá trình (hai bài tập, chiếm 50%) và đánh giá cuối kỳ (chiếm 50%).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Classification** | | 10-Point Scale | Letter Grade |
| PASS | Excellent | 9.0 - 10.0 A+ | A+ |
| Good | 8.0 - < 9.0 A | A |
| Fairly Good | 7.0 - < 8.0 B+ | B+ |
| Above Average | 6.0 - < 7.0 B | B |
| Average | 5.0 - < 6.0 C | C |
| FAIL | Below Average | 4.0 - < 5.0 D+ | D+ |
| Weak | 3.0 - < 4.0 D | D |
| Poor | < 3.0 F | F |

Các thành phần đánh giá bao gồm: Đánh giá quá trình (hai bài, 50%) và đánh giá cuối kì (50%).

**11. BẢN MÔ TẢ MÔN HỌC**

Refer to the evidence: 9b1.Brief outline of all courses in the programme 2025 E

**12. THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ CẬP NHẬT**

* Thời gian xây dựng bản mô tả CTĐT: Ngày 10 tháng 6 năm 2021
* Bản mô tả CTĐT được áp dụng từ khóa K21605 (năm học 2021 – 2021) trở đi.
* Thời gian điều chỉnh, cập nhật bản mô tả CTĐT: dự kiến là vào tháng 5 năm 2023.

**TRƯỞNG KHOA**

(Dean)



**TS HỒ XUÂN THỦY**